

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 04-11-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hiền

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thế Phương

Ông Dương Hùng Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2020/QĐXX-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Chị Sầm Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**- Người kháng cáo:** Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Sầm Thị L kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Nay anh làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung tên Phạm Thị Thúy D, sinh ngày 07/7/2006; Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/2012 và Phạm Quốc N, sinh ngày 23/8/2013, hiện đang sống cùng với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có.

*Đối với bị đơn chị Sầm Thị L:* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng chị L vẫn vắng mặt không lý do.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Văn Đ về việc ly hôn với chị Sầm Thị L.

2. Về con chung, tài sản chung: Không đặt ra xem xét.

3. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 12/8/2020 anh Đ kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận cho anh được ly hôn với chị L.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, anh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin được ly hôn với chị L, vì không còn tình cảm vợ chồng, ngày 23/8/2020 sau khi xét xử sơ thẩm chị L về nhà thăm con và sau đó cương quyết đi tiếp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Đ. Sửa bản án sơ thẩm số 118/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ được ly hôn với chị L.

Về con chung: Giao 3 người con chung tên Phạm Thị Thúy D, sinh ngày 07/7/2006; Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/2012 và Phạm Quốc N, sinh ngày 23/8/2013 cho anh Đ tiếp tục nuôi, anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định không có nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này chị L có yêu cầu xem xét về tài sản chung thì khởi kiện

thành vụ kiện khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Sầm Thị L được Toà án tổng đạt hợp lệ lần hai giấy triệu tập xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với chị L.

[2] Xét kháng cáo của anh Phạm Văn Đ yêu cầu sửa án sơ thẩm với nội dung chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ

Anh Phạm Văn Đ và chị Sầm Thị L chung sống với nhau năm 2004 có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau đúng quy định. Vì vậy, hôn nhân giữa anh Đ và chị L được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống có mâu thuẫn, bất đồng ý kiến xuất phát từ việc anh Đ tham gia đánh bài vui chơi với bạn bè, chị L kêu về nhưng anh không về, đến khi anh về nhà thì chị L bỏ nhà đi, nên vợ chồng ly thân từ khoảng tháng 5/2020 đến nay. Do vợ bỏ đi, nhiều lần kêu về nhưng không về nên anh xin ly hôn. Tại phiên toà sơ thẩm, anh Đ trình bày còn thương vợ nhưng vì chị L bỏ đi nên anh không muốn hàn gắn, cho nên cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn chị L.

Tuy nhiên, cấp phúc thẩm anh Đ xác nhận không còn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy, nếu hàn gắn hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc gia đình, bởi vì chị L đi đến nay khoảng 06 tháng không liên lạc với anh Đ. Sau khi xét xử sơ thẩm chị L về thăm con biết việc Toà án bác đơn ly hôn của anh Đ nhưng chị L vẫn cương quyết đi. Từ khi thụ lý vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm chị L không một lần có mặt, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình, qua đó cho thấy chị L không có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ ly hôn với chị L

Về con chung: Có 03 người tên Phạm Thị Thúy Duy, sinh ngày 07/7/2006; Phạm Ngọc Thế, sinh ngày 26/01/2012 và Phạm Quốc Nam, sinh ngày 23/8/2013.

Giấy khai sinh thể hiện ba cháu là con ruột anh Đ, chị L. Từ lúc vợ chồng ly thân anh Đ nuôi ba con và khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi các con, yêu cầu anh Đ phù hợp với nguyện vọng của các cháu được thể hiện tại biên bản ngày 21/7/2020 (bút lục 27), ý kiến của ba cháu tự nguyện ở với cha nếu cha mẹ ly hôn, vì cha lo lắng cho các cháu và đủ điều kiện nuôi các cháu ăn học. Căn cứ khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đ và giao con cho anh Đ trực tiếp nuôi ba người con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[3] Từ nhận định trên, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Đ; sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình anh Đ phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu; án phí phúc thẩm anh Đ không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh; sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 118/2020/HNGĐ-ST ngày 12/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ về việc anh Phạm Văn Đ ly hôn với chị Sầm Thị L.

2. Về con chung: Giao cho anh Đ trực tiếp nuôi ba người con Phạm Thị Thúy D, sinh ngày 07/7/2006; Phạm Ngọc T, sinh ngày 26/01/2012 và Phạm Quốc N, sinh ngày 23/8/2013. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản, công nợ: Anh Đ không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Đ phải chịu 300.000 đồng, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0002022 ngày 19/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C được chuyển thu.

Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm anh Đ không phải chịu, đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0002297 ngày 12/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại toàn bộ.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP Cà Mau;
- Chi cục THADS TP Cà Mau;
- UBND phường Tân Thành, TP Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hiền**